

Bản án số: 32 /2019/HS-ST
Ngày: 04 - 11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Khắc Hoan

Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Bách - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/11/2019, tại phòng xét xử án hình sự TAND tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 634/2018/QĐXXST-HS ngày 16/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thế D, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 20/9/1969 tại Đồng Hới, Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã P, tp Đ, Quảng Bình; Trình độ học vấn: 01/10; con ông Đặng Thế K (đã chết) và con bà Trần Thị R – hiện ở tại xã P, tp Đ, Quảng Bình; anh, chị em ruột: có 06 người, D là con thứ hai trong gia đình; vợ: Bùi Thị V, sinh năm 1976 hiện sống tại xã P, tp Đ, tỉnh Quảng Bình; con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Thái T1; tên gọi khác: Không; sinh ngày 29/10/1972 tại Đ, Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: TDP 4, phường H, tp Đ, tỉnh Quảng Bình; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn D1 và bà Lê Thị S (Lê Thị X) (đều đã chết); anh, chị em ruột: có 05 người, T1 là con thứ tư trong gia đình; vợ Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1972 hiện trú tại TDP 4, phường H, tp Đ, tỉnh Quảng Bình; Có 03 người (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt

3. Lê Đức T2, tên gọi khác: Còi; sinh ngày 20/12/1977 tại Đồng Hới, Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nơi

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã P, tp Đ, Quảng Bình; Trình độ học vấn: 07/10; con ông Lê Đức D2 và bà Hoàng Thị N1 (đều đã chết); anh, chị em ruột: có 03 người, T2 là con đầu trong gia đình; vợ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987 - trú tại: Thôn N, xã P, tp Đ, tỉnh Quảng Bình; Có 02 người (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt

4. Nguyễn Văn B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/5/1971 tại Đồng Hới, Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã P, tp Đ, Quảng Bình; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn V1 (là Liệt sỹ) và bà Nguyễn Thị Q (đã chết); anh, chị em ruột: có 02 người, B là con thứ hai trong gia đình; vợ Phạm Thị D3, sinh năm 1974 trú tại thôn T, xã P, tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Con: Có 04 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ sau đó chuyển tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 22/5/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2:* Ông Trần Văn Đ1 – Luật sư, Văn phòng luật sư TL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Bùi Thị V, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Thôn T, xã P, tp Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 26/4/2019, tại Tọa độ 17o14’N – 106o56’E thuộc vùng biển xã NT, huyện L, tỉnh Quảng Bình, lực lượng của Đoàn Biên phòng NT phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình phát hiện tàu cá số đăng ký QB S TS do Đặng Thế D, sinh năm 1969 - Trú tại xã P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình làm chủ, cùng với 03 thuyền viên khác gồm: Lê Đức T2, sinh năm 1977; Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 - cùng trú tại xã P, thành phố Đ) và Nguyễn Thái T1, sinh năm 1972 - trú tại phường H, tp Đ, đang có hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ, thu giữ: 18 gói nilon hình bầu dục chứa chất bột dạng rắn, màu xám có tổng trọng lượng cả bao gói là 12,32 kilôgam (các đối tượng khai là thuốc nổ); 74 cái kíp nổ điện (trong đó có 21 cái đã tra dây cháy chậm); 07 đoạn dây cháy chậm và một số tài sản đồ vật có liên quan. (BL: 04-07).

Tiến hành khám xét nơi ở của Đặng Thế D, kết quả phát hiện, thu giữ 01 (một) cối bằng bê tông và 01 thanh Inox. D khai là dụng cụ dùng để giã nhỏ thuốc nổ. (BL: 180-187).

Tại bản kết luận giám định số 490/GĐ (PC09) ngày 04/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Mẫu vật cần giám định từ A1 đến A21 đều là kíp nổ đốt đã được gắn dây cháy chậm; mẫu vật cần giám định ký hiệu A22 là kíp nổ đốt; mẫu vật cần giám định ký hiệu từ A23 đến A29 đều là dây cháy chậm. Kíp nổ đốt và dây cháy chậm đều là vật liệu nổ, đang còn sử dụng được. (BL: 203-205).

Tại Bản kết luận giám định số 2739/C09-P2 ngày 31/5/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận: các mẫu vật đựng trong bì thư được đánh số thứ tự từ 01 đến 18 (được trích từ 18 gói nilon hình bầu dục thu giữ lúc bắt quả tang) là hỗn hợp thuốc nổ có thành phần chính gồm TNT (trinitrotoluen), RDX (hexogen) và bột nhôm (Al), đây là hỗn hợp thuốc nổ mạnh được dùng trong quân sự. Các mẫu thuốc nổ trên đều còn sử dụng được. (BL: 212).

Quá trình điều tra bị can khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2019, trong một lần đi lặn bắt hải sản ở vùng biển NT, huyện L, Đặng Thế D phát hiện được 01 quả bom còn sót lại thời chiến tranh nên D kéo lên tàu và đưa về cất dấu ở một ngôi nhà bỏ hoang gần nhà D. Sau đó D cạy phá lấy thuốc nổ ở trong quả bom, dùng cối bê tông và chày Inox giã nhỏ bỏ vào bao nilon rồi sử dụng xe mô tô mang Biển kiểm soát 73K3-8099 của gia đình để vận chuyển xuống tàu cá của D đang neo đậu ở khu vực phường H - thành phố Đ cất giấu. Còn về 74 kíp nổ và 2,663 mét dây cháy chậm đã được cắt thành 28 đoạn, D khai mua của một người không quen biết với giá 1.450.000 đồng rồi tiếp tục đưa xuống tàu cá để cất giấu. Tất cả số thuốc nổ, kíp nổ và dây cháy chậm D cất giấu ở trong 02 thùng nhựa ở trên tàu.

Sau đó trong 02 lần cùng đi tàu để đánh bắt hải sản trên đường đi từ vùng biển Đ đến vùng biển L, D đã lấy thuốc nổ, kíp nổ và dây cháy chậm ra hướng dẫn cho Lê Đức T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thái T1 bỏ thuốc nổ vào từng bao nilon cuộn chặt lại bằng nhiều lớp nilon và dùng dây cước buộc chặt lại thành hình bầu dục, tổng cộng 04 người gói được 18 gói trong đó có 04 gói đã được gắn kíp nổ và dây cháy chậm. Toàn bộ 18 gói thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm được cất dấu vào trong 02 thùng nhựa nhằm mục đích đánh bắt hải sản nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tiến hành xác định cụ thể trọng lượng thuốc nổ, sau khi đã trừ bao bì, dây dùng để gói buộc, số thuốc nổ còn lại có tổng trọng lượng 11,4 kilôgam (BL: 217-218).

Tiến hành xác định hiện trường do Đặng Thế D vận chuyển trái phép vật liệu nổ từ nhà ở của D đến nơi cất dấu là trên con tàu cá của D đang neo đậu tại khu vực phường H. Kết quả quang đường D vận chuyển trái phép vật liệu nổ có chiều dài 4,5 km (BL: 219-228).

* Về tang vật thu giữ gồm:

1. 18 (mười tám) gói nilon chứa thuốc nổ, tổng trọng lượng cả bao gói là 12,32 kilôgam, sau khi trừ bao gói còn lại trọng lượng là 11,4 kilôgam;
2. 74 (bảy mươi bốn) cái kíp nổ. Sau giám định còn lại 71 cái kíp;
3. 28 (hai mươi tám) đoạn dây cháy chậm có tổng chiều dài 2,663 mét, trong đó có 21 đoạn đã được tra vào kíp nổ.
4. 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia;
5. 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone;

6. 01 (một) tàu đánh cá, số đăng ký QB S1 TS;
7. 01 (một) thanh Inox D dùng làm chày để giã thuốc nổ;
8. 01 (một) cối bê tông D dùng để giã thuốc nổ;
9. 01 (một) thanh sắt dài 26 cm, dùng để đục lỗ tra kíp vào các gói nilon;
10. 02 (hai) thùng nhựa.

Số vật chứng có số thứ tự từ 01 đến 03 quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã tiêu hủy. Số vật chứng có số thứ tự từ 04 đến 06 đã được trả lại cho chủ sở hữu. Số vật chứng có số thứ tự từ 07 đến 10 đang được tạm giữ để đảm bảo giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố.

- Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Trần Văn Đ1 là người bào chữa cho các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 phát biểu lời bào chữa: Thừa nhận tội danh mà Bản Cáo trạng đã truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đề tuyên các bị cáo loại hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Thế D phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; các bị cáo Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65, Điều 5 BLSH 2015 đối với bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B. Riêng bị cáo Nguyễn Văn B được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo Đặng Thế D từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 48 đến 60 tháng; Nguyễn Thái T1 từ 20 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 40 đến 48 tháng; Lê Đức T2 từ 20 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 40 đến 48 tháng; Nguyễn Văn B từ 12 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 40 tháng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị V không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, số lượng tài sản và diễn biến tội phạm, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định:

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 26/4/2019, tại Tọa độ 17o14'N – 106o56'E thuộc vùng biển xã NT, huyện L, tỉnh Quảng Bình trên tàu cá số đăng ký QB S1 TS do Đặng Thế D làm chủ tàu cùng với Lê Đức T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thái T1 có hành vi “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” gồm 18 gói nilon hình bầu dục chứa chất bột dạng rắn, màu xám có tổng trọng lượng cả bao gói là 12,32 kilôgam; 74 cái kíp nổ điện (trong đó có 21 cái đã tra dây cháy chậm); 07 đoạn dây cháy chậm và một số tài sản đồ vật có liên quan bị bắt quả tang.

Nguồn gốc số thuốc nổ, D khai: Trong khoảng tháng 02/2019, trong một lần đi lặn bắt hải sản ở vùng biển NT, huyện L, Đặng Thế D phát hiện được 01 quả bom còn sót lại thời chiến tranh nên D kéo lên tàu và đưa về cất giấu ở một ngôi nhà bỏ hoang gần nhà D. Sau đó D cạy phá lấy thuốc nổ ở trong quả bom, dùng cối bê tông và chày Inox giã nhỏ bỏ vào bao nilon rồi vận chuyển xuống tàu cá của D đang neo đậu ở khu vực phường H, thành phố Đ cất giấu. D còn mua 74 kíp nổ và 2,663 mét dây cháy chậm đã được cắt thành 28 đoạn của một người không quen biết đưa xuống tàu cá để cất giấu. Do đó, bị cáo Đặng Thế D còn có hành vi “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”

Với các tài liệu chứng cứ và tang vật thu giữ được, hành vi của bị cáo Đặng Thế D đã phạm vào tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”, các bị cáo Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” được quy định xử phạt theo điểm b khoản 2 Điều 305 BLHS năm 2015 như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về tính chất của vụ án:

Các bị cáo Đặng Thế D, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thái T đều nhận thức được việc tàng trữ, vận chuyển vật liệu nổ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực chất nổ. Số lượng thuốc nổ mà các bị cáo tàng trữ, vận chuyển là 11,4kg, với trọng lượng hành vi của các bị cáo được quy định xử phạt theo điểm b khoản 2 Điều 305 BLHS với mức án từ 3 – 10 năm tù, do đó hành vi của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[3.2] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo gây ra trong vụ án thấy rằng:

[3.2.1] Đối với bị cáo Đặng Thế D là người phát hiện ra quả bom, đáng lẽ khi đó bị cáo phải kịp thời báo cáo cơ quan chức năng để có biện pháp tháo gỡ, quản lý. Nhưng bị cáo đã vận chuyển về gần nhà mình, thu dấu để tháo bom, lấy thuốc nổ sau đó vận chuyển xuống thuyền hướng dẫn cho Lê Đức T2, Nguyễn Thái T1 và Nguyễn Văn B làm mìn tự chế để đánh bắt hải sản. Bị cáo Đặng Thế D phạm tội với hai hành vi tàng trữ và vận chuyển trái phép vật liệu nổ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án và có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cho bị cáo lần đầu phạm tội, có thái độ khai báo thành khẩn, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo thành tích trong công tác tìm kiếm cứu hộ cứu nạn năm 2019 được UBND xã P, Hội chữ Thập đỏ thành phố Đ khen thưởng. Bị cáo có bố là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, bản thân bị cáo trình độ học vấn thấp (lớp 1/10) để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, đồng thời vì có hơn hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 có thể xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Bị cáo chỉ mới thực hiện hành vi tàng trữ, chưa sử dụng, thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án đồng phạm giản đơn, chưa gây thiệt hại lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, bị cáo là ngư dân bám biển nên có thể cho bị cáo hưởng án treo, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục bám biển theo chính sách bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

[3.2.2] Đối với các bị cáo Lê Đức T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thái T1: Các bị cáo Lê Đức T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thái T1 là những người làm thuê trên tàu cho Đặng Thế D, khi Đặng Thế D đưa thuốc nổ ra thì các bị cáo Lê Đức T2, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thái T1 phải có thái độ khuyên can đối với D để đưa số thuốc nổ này nộp cho cơ quan chức năng nhưng ngược lại các bị cáo đã đồng tình cùng tham gia với Đặng Thế D gói 11,4kg thuốc nổ thành 18 gói có trọng lượng khác nhau sau đó giao lại cho Đặng Thế D cất dấu. Do đó các bị cáo đã đồng phạm với Đặng Thế D về tội: “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”. Vai trò của các bị cáo này thấp hơn D và ngang nhau và cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo đều là những người lao động làm thuê, vì mưu sinh cuộc sống nên nhất thời phạm tội, nhân thân các bị cáo từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu tiên phạm tội. Hành vi của các bị cáo mới dừng lại ở việc tàng trữ, chưa gây hại gì đến cho xã hội và môi trường sống xung quanh. Các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Trong cuộc sống lao động sản xuất các bị cáo đều là người đã có công trong việc cứu nạn, cứu hộ trên biển được chính quyền địa phương xã P xác nhận thành tích. Bị cáo Lê Đức T2 có bố là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì. Bị cáo Nguyễn Thái T1 có bố là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chống Mỹ hạng Nhất

và hưởng chế độ thương binh hạng 5/6. Bị cáo Nguyễn Văn B có bố là liệt sĩ và là người không biết chữ nên mức độ nhận thức còn hạn chế để áp dụng cho bị cáo Lê Đức T2 và Nguyễn Thái T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại điểm s, t và v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo Nguyễn Văn B theo điểm s, t, v, x khoản 1 Điều 51 và Điều 54, 65 BLHS để xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

1. 18 (mười tám) gói nilon chứa thuốc nổ, tổng trọng lượng cả bao gói là 12,32 kilôgam, sau khi trừ bao gói còn lại trọng lượng là 11,4 kilôgam;
2. 74 (bảy mươi bốn) cái kíp nổ. Sau giám định còn lại 71 cái kíp;
3. 28 (hai mươi tám) đoạn dây cháy chậm có tổng chiều dài 2,663 mét, trong đó có 21 đoạn đã được tra vào kíp nổ.
4. 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia;
5. 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone;
6. 01 (một) tàu đánh cá, số đăng ký QB S1 TS;
7. 01 (một) thanh Inox D dùng làm chày để giã thuốc nổ;
8. 01 (một) cối bê tông D dùng để giã thuốc nổ;
9. 01 (một) thanh sắt dài 26 cm, dùng để đục lỗ tra kíp vào các gói nilon;
10. 02 (hai) thùng nhựa.

Số vật chứng có số thứ tự từ 01 đến 03, gồm: 18 (mười tám) gói nilon chứa thuốc nổ, tổng trọng lượng cả bao gói là 12,32 kilôgam, sau khi trừ bao gói còn lại trọng lượng là 11,4 kilôgam; 74 (bảy mươi bốn) cái kíp nổ. Sau giám định còn lại 71 cái kíp; 28 (hai mươi tám) đoạn dây cháy chậm có tổng chiều dài 2,663 mét, trong đó có 21 đoạn đã được tra vào kíp nổ quá trình điều tra cơ quan Điều tra đã chuyển cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình tiêu hủy theo quyết định số 308/QĐ-VKS-P1 ngày 04/9/2019 của Viện sát nhân dân tỉnh Quảng Bình. Số vật chứng có số thứ tự từ 04 đến 06 gồm: 02 (hai) điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Thái T1 và Đặng Thế D, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone của Nguyễn Văn B, tàu đánh cá, số đăng ký QB S1 TS đã được trả lại cho các chủ sở hữu theo theo quyết định xử lý đồ vật, tài liệu và biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27/4/2019 và biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 14/8/2019 (BL: 199, 232, 236) nên không xem xét.

Đối với số vật chứng có số thứ tự từ 07 đến 10 gồm: 01 (một) thanh Inox D dùng làm chày để giã thuốc nổ, 01 (một) cối bê tông D dùng để giã thuốc nổ, 01 (một) thanh sắt dài 26 cm, dùng để đục lỗ tra kíp vào các gói nilon, 02 (hai) thùng nhựa hiện đang được tạm giữ để đảm bảo giải quyết vụ án. Xét đây là những dụng cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy (BL: 372).

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thế D phạm tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”; các bị cáo Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B phạm tội: “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt: Đặng Thế D 2 tháng (hai mươi bốn tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 BLHS, Điều 65 BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, xử phạt:

Nguyễn Thái T1 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Lê Đức T2 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, t, v, x khoản 1 Điều 51 và 2 Điều 54 BLHS, Điều 65 năm 2015 đối với Nguyễn Văn B, xử phạt: Nguyễn Văn B 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đặng Thế D, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B về UBND xã P, tp Đ, Tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Giao bị cáo Nguyễn Thái T về UBND phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Nếu trong thời gian thử thách của án treo, các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, 106 BLTTHS, xử: Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng gồm có: 01 (một) thanh Inox, 01 (một) cối bê tông, 01 (một) thanh sắt dài 26 cm, 02 (hai) thùng nhựa hiện đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Buộc các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2 và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Đặng Thế D, Nguyễn Thái T1, Lê Đức T2, Nguyễn Văn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P1);
- Cơ quan ANĐT - CAQB;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- UBND xã Quang Phú;
- UBND phường Hải Thành;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyên